

Tăng tỷ trọng

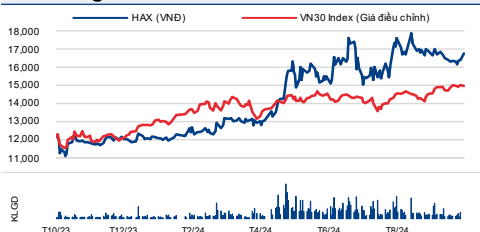
Giá mục tiêu: VNĐ19,200

Tiềm năng tăng/giảm: 14.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (21/10/2024)	16,750
Mã Bloomberg	HAX VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	11,099-17,850
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	16,483
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	1,565
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	61.8
Slg CP lưu hành (tr.đv)	93.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	46.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	33.0
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	14.7%
Tỷ lệ freefloat	61.8%
Cổ đông lớn	Tiền Dũng và gia đình (33.2%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	3,982	5,678	8,145
EBITDA đc (tỷ đồng)	108	262	380
LNTT (tỷ đồng)	48.1	206	291
LNT ĐC (tỷ đồng)	34.6	108	166
FCF (tỷ đồng)	31.5	(75.8)	(184)
EPS ĐC (đồng)	370	1,157	1,775
DPS (đồng)	300	500	1,000
BVPS (đồng)	12,459	11,340	11,883
T.trưởng EBITDA (%)	(68.4)	142	44.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	(85.6)	212	53.5
Tăng trưởng DPS (%)	(40.0)	66.7	100
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.72	4.62	4.67
Tỷ suất LNTT (%)	1.21	3.63	3.57
Tỷ suất LNT ĐC (%)	0.87	1.90	2.04
Tỷ lệ LN trả CT (%)	81.0	43.2	56.3
Nợ thuần/VCSH (%)	56.9	70.5	97.8
ROAE (%)	3.40	9.46	13.8
ROACE (%)	7.31	19.8	26.4
EV/doanh thu (lần)	0.54	0.45	0.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.8	9.70	7.60
P/E ĐC (lần)	45.2	14.5	9.44
P/B (lần)	1.34	1.48	1.41
Lợi suất cổ tức (%)	1.79	2.99	5.97

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

HAX là nhà phân phối của Mercedes-Benz Việt Nam (MBV) và gần đây đã mở rộng phân phối cho một số thương hiệu khác như Nissan và MG.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &
nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2024: Lợi nhuận cao bất ngờ, tăng 7,1 lần so với cùng kỳ

- HAX báo cáo KQKD Q3/2024 cao bất ngờ, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 1.536 tỷ đồng (tăng 38% so với cùng kỳ) và 62 tỷ đồng (tăng 7,1 lần so với cùng kỳ, cao hơn nhiều so với dự báo của HSC ở mức 34 tỷ đồng), nhờ KQKD tích cực của cả 2 mảng phân phối xe Mercedes và MG.
- Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 3.696 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ) và 91 tỷ đồng (tăng 6,2 lần so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 65% và 84% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi. Các yếu tố hỗ trợ cho sự tăng trưởng của KQKD vẫn tiếp tục duy trì trong Q4/2024.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 5% trong 3 tháng qua, HAX đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,7 lần, cao hơn một chút so với bình quân từ năm 2019 ở mức 10,5 lần. Trước khi đưa ra xem xét kỹ lưỡng hơn, chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 16.750đ (tiềm năng tăng giá 15%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2024

KQKD Q3/2024 của HAX vượt xa dự báo của HSC, với lợi nhuận thuần tăng mạnh 7,1 lần so với cùng kỳ đạt 62 tỷ đồng trên doanh thu thuần 1.536 tỷ đồng (tăng 38% so với cùng kỳ). Chúng tôi thảo luận các mảng kinh doanh chính ở phần bên dưới.

Mảng phân phối xe Mercedes: Hồi sinh nhờ tái áp dụng chính sách hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước

Đối với công ty mẹ (mảng phân phối xe Mercedes), mặc dù doanh thu Q3/2024 giảm 15% so với cùng kỳ xuống còn 839 tỷ đồng (nhưng tăng 18% so với quý trước), lợi nhuận thuần tăng vọt 7,2 lần so với cùng kỳ lên 36 tỷ đồng (tăng mạnh 39 lần so với quý trước), nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện trong quý. Tỷ suất lợi nhuận gộp trong Q3/2024 cải thiện đáng kể lên 8,6%, từ mức 5,2% trong Q3/2023 và 4,2% trong Q2/2024, trong khi tỷ suất LNTT Q3/2024 cải thiện lên 5,3%, từ 0,6% trong Q3/2023 và 0,2% trong Q2/2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 22/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2024, HAX

Lợi nhuận thuần Q3/2024 tăng bất ngờ 7,1 lần so với cùng kỳ lên 62 tỷ đồng cao hơn nhiều so với dự báo của HSC

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	9T23	9T24	% so với cùng kỳ	% đạt dự báo của HSC
Doanh thu thuần	1,115	1,536	37.7%	36.8%	2,905	3,696	27.2%	65.1%
Lợi nhuận gộp	65	174	169.4%	81.1%	198	366	85.0%	
LNTT	10	133	1226.1%	369.0%	20	203	904.4%	98.4%
LNST	8	90	983.7%	310.6%	15	144	889.0%	87.4%
Lợi nhuận thuần	8	62	712.6%	720.6%	13	91	616.4%	84.5%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	5.8%	11.3%			6.8%	9.9%		
Tỷ suất LNTT	0.9%	8.7%			0.7%	5.5%		

Nguồn: HAX, HSC

HĐKD của mảng phân phối xe Mercedes đã phục hồi rõ rệt nhờ chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước (CKD), bắt đầu có hiệu lực từ tháng 9/2024 đến hết tháng 11/2024. Xe Mercedes chủ yếu được lắp ráp tại Việt Nam (tất cả các dòng xe chính C-Class, E-Class và GLC đều được lắp ráp trong nước), sẽ hưởng lợi từ chính sách giảm lệ phí trước bạ. Đồng thời MBV (Mercedes-Benz Vietnam) cũng đưa ra mức chiết khấu hấp dẫn để hỗ trợ các đại lý phân phối nhằm giải phóng lượng xe tồn kho (xe được sản xuất trong năm 2022 và 2023), giúp tỷ suất lợi nhuận cải thiện trong quý.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần của công ty mẹ tăng mạnh 1,6 lần so với cùng kỳ đạt 49 tỷ đồng. Chúng tôi dự báo mảng phân phối xe Mercedes sẽ tiếp tục đà tăng trưởng tích cực trong Q4/2024, nhờ chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ cho xe lắp ráp trong nước tiếp tục có hiệu lực đến hết tháng 11/2024.

Mảng phân phối xe MG: Nhu cầu tăng cao, cùng với việc mở rộng mạng lưới phân phối mạnh mẽ

Mặc dù không được hưởng lợi từ chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ (do MG là xe nhập khẩu nguyên chiếc từ Thái Lan hoặc Trung Quốc), mảng phân phối xe MG tiếp tục ghi nhận sản lượng tiêu thụ tích cực trong Q3/2024 nhờ giá bán và chế độ hậu mãi hấp dẫn, do được hỗ trợ tài mạnh từ công ty mẹ SAIC ở Trung Quốc.

Trong Q3/2024, sản lượng tiêu thụ xe MG tăng hơn gấp 4 lần so với cùng kỳ đạt 3.309 chiếc (so với mức tăng 30% so với cùng kỳ của thị trường). Trong 9 tháng đầu năm 2024, tổng số lượng xe MG được bán ra đạt 7.817 chiếc (tăng 2,3 lần so với cùng kỳ, so với mức tăng 13% so với cùng kỳ của thị trường).

PTM (chưa niêm yết; HAX sở hữu 51,6% cổ phần) hiện là đơn vị phân phối xe MG lớn nhất tại thị trường Việt Nam với khoảng 40% thị phần. Tính đến cuối Q3/2024, PTM có 13 showroom trên toàn quốc, tăng mạnh so với chỉ 4 showroom vào cuối Q3/2023. Việc hãng xe MG hỗ trợ tích cực cho các đơn vị phân phối để mở rộng thị phần đã giúp tỷ suất lợi nhuận của PTM tăng mạnh.

Duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu, trước khi xem xét lại dự báo

Dựa trên dự báo hiện tại của HSC (và sau khi giá cổ phiếu tăng 5% trong 3 tháng qua), HAX đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11,7 lần, cao hơn một chút so với bình quân từ năm 2019 ở mức 10,5 lần.

Với KQKD Q3/2024 cao hơn dự báo, lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2024 của HAX hoàn thành 84% dự báo cho cả năm 2024 của chúng tôi. Xin nhắc lại, cho năm 2024-2025, lợi nhuận thuần dự báo đạt lần lượt 108 tỷ đồng (tăng trưởng 2,1 lần) và 166 tỷ đồng (tăng trưởng 54%).

Bảng 2: KQKD của Công ty mẹ Q3/2024 (Mercedes), HAX

LNTT của Công ty mẹ trong Q3/2024 tăng vọt 8,2 lần so với cùng kỳ và 39,6 lần so với quý trước lên 36 tỷ đồng

	Q3/23	Q2/24	Q3/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T23	9T24	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	995	714	839	-15.6%	17.6%	2,650	2,205	-16.8%
Lợi nhuận gộp	52	30	72	37.9%	141.3%	168	141	-16.1%
LNTT	6	1	45	668.1%	3,853.0%	24	61	151.2%
Lợi nhuận thuần	4	0.9	36	724.4%	3,860.0%	19	49	155.3%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	5.2%	4.2%	8.6%			6.3%	6.4%	
Tỷ suất LNTT	0.6%	0.2%	5.3%			0.9%	2.8%	

Nguồn: HAX, HSC

Bảng 3: Kết quả kinh doanh của các công ty con trong Q3/2024 (chủ yếu là MG), HAX

Lợi nhuận thuần công ty con trong Q3/2024 tăng vọt 13,6 lần so với cùng kỳ và 2,6 lần so với quý trước lên 21 tỷ

	Q3/23	Q2/24	Q3/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T23	9T24	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	120	409	696	479.0%	70.4%	255	1,491	483.6%
Lợi nhuận gộp	13	66	102	717.1%	54.1%	30	225	644.8%
LNTT	4	27	89	1,987.9%	225.1%	(4)	141	N/m
Lợi nhuận thuần	4	21	55	1,263.3%	159.2%	(5)	95	N/m
Tỷ suất lợi nhuận gộp	10.4%	16.2%	14.7%			11.8%	15.1%	
Tỷ suất LNTT	3.5%	6.7%	12.7%			-1.6%	9.5%	

Nguồn: HAX, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	6,775	3,982	5,678	8,145	10,824
Lợi nhuận gộp	473	277	430	609	808
Chi phí BH&QL	(208)	(221)	(227)	(326)	(433)
Thu nhập khác	40.4	30.0	34.1	48.9	64.9
Chi phí khác	(0.03)	(0.80)	(1.14)	(1.63)	(2.17)
EBIT	305	84.9	236	330	438
Lãi vay thuần	(5.39)	(36.7)	(30.2)	(39.5)	(52.4)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	300	48.1	206	291	385
Chi phí thuế TNDN	(60.4)	(11.1)	(41.2)	(58.2)	(77.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.35	(2.47)	(56.7)	(66.8)	(78.2)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	240	34.6	108	166	230
Lợi nhuận thuần ĐC	240	34.6	108	166	230
EBITDA ĐC	343	108	262	380	492
EPS (đồng)	2,562	370	1,157	1,775	2,464
EPS ĐC (đồng)	2,562	370	1,157	1,775	2,464
DPS (đồng)	500	300	500	1,000	1,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	56.9	93.4	107	107	107
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	56.9	93.4	107	107	107
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	56.9	93.4	93.4	107	107

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	160	120	106	92.2	65.2
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	265	213	227	244	271
Hàng tồn kho	1,065	696	852	1,181	1,515
Các tài sản ngắn hạn khác	101	42.6	56.8	81.4	108
Tổng tài sản ngắn hạn	1,591	1,072	1,242	1,599	1,959
TSCĐ hữu hình	411	370	412	922	976
TSCĐ vô hình	11.2	10.9	10.7	10.5	10.3
Bất động sản đầu tư	469	469	469	0	0
Đầu tư dài hạn	1.25	1.25	1.25	1.25	1.25
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	94.9	82.8	119	171	227
Tổng tài sản dài hạn	987	935	1,013	1,105	1,215
Tổng cộng tài sản	2,578	2,006	2,255	2,704	3,174
Nợ ngắn hạn	1,152	700	852	1,181	1,515
Phải trả người bán	76.9	44.7	63.7	91.4	122
Nợ ngắn hạn khác	44.4	29.3	29.3	29.3	29.3
Tổng nợ ngắn hạn	1,424	839	1,034	1,425	1,826
Nợ dài hạn	0	0	0.11	0.11	0.11
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3.63	2.53	2.53	2.53	2.53
Nợ dài hạn khác	181	0.32	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	184	2.85	2.64	2.64	2.64
Tổng nợ phải trả	1,609	842	1,036	1,427	1,829
Vốn chủ sở hữu	922	1,115	1,169	1,228	1,297
Lợi ích cổ đông thiểu số	46.6	49.0	49.0	49.0	49.0
Tổng vốn chủ sở hữu	969	1,164	1,218	1,277	1,346
Tổng nợ phải trả và VCSH	2,578	2,006	2,255	2,704	3,174
BVPS (đ)	17,016	12,459	11,340	11,883	12,525
Nợ thuần/(tiền mặt)	991	579	746	1,089	1,450

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	305	84.9	236	330	438
Khấu hao	(37.2)	(23.4)	(26.3)	(50.0)	(54.6)
Lãi vay thuần	(5.39)	(36.7)	(30.2)	(39.5)	(52.4)
Thuế TNDN đã nộp	(61.0)	(35.7)	(41.2)	(58.2)	(77.1)
Thay đổi vốn lưu động	(868)	367	(127)	(285)	(294)
Khác	32.2	39.2	(70.4)	(90.3)	(103)
LCT thuần từ HKKD	(633)	433	(7.64)	(93.7)	(35.7)
Đầu tư TS dài hạn	(705)	(401)	(68.1)	(90.4)	(108)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	309	402	0	0	0
Khác	22.8	0.58	(36.5)	(51.8)	(56.3)
LCT thuần từ HĐĐT	(373)	0.77	(105)	(142)	(165)
Cổ tức trả cho CSH	(24.8)	(36.0)	(53.7)	(107)	(161)
Thu từ phát hành CP	0	14.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,104	(452)	152	329	334
Khác	0	0	(0.32)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,080	(474)	98.2	222	173
Tiền & tương đương tiền đầu kì	87.6	160	120	106	92.2
LCT thuần trong kỳ	72.9	(40.3)	(14.0)	(14.0)	(27.0)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	160	120	106	92.2	65.2
Dòng tiền tự do	(1,339)	31.5	(75.8)	(184)	(144)

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	6.98	6.96	7.58	7.47	7.47
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	5.06	2.72	4.62	4.67	4.55
Tỷ suất LNT (%)	3.54	0.87	1.90	2.04	2.13
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.1	23.0	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	22.0	(41.2)	42.6	43.4	32.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	32.7	(68.4)	142	44.9	29.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	50.4	(85.6)	212	53.5	38.8
Tăng trưởng EPS (%)	49.5	(85.6)	212	53.5	38.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	49.5	(85.6)	212	53.5	38.8
Tăng trưởng DPS (%)	0	(40.0)	66.7	100	50.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	19.5	81.0	43.2	56.3	60.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.5	3.40	9.46	13.8	18.2
ROACE (%)	32.7	7.31	19.8	26.4	33.3
Vòng quay tài sản (lần)	3.51	1.74	2.67	3.29	3.68
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(2.07)	5.10	(0.03)	(0.28)	(0.08)
Số ngày tồn kho	61.7	68.6	59.2	57.2	55.2
Số ngày phải thu	15.3	21.0	15.8	11.8	9.86
Số ngày phải trả	4.46	4.40	4.43	4.43	4.43
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	121	56.9	70.5	97.8	123
Nợ/tài sản (%)	49.3	37.6	41.3	47.8	52.4
EBIT/lãi vay (lần)	56.6	2.31	7.82	8.37	8.36
Nợ/EBITDA (lần)	3.71	6.97	3.54	3.40	3.38
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.12	1.28	1.20	1.12	1.07
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.29	0.54	0.45	0.35	0.30
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.68	19.8	9.70	7.60	6.60
P/E (lần)	6.54	45.2	14.5	9.44	6.80
P/E ĐC (lần)	6.54	45.2	14.5	9.44	6.80
P/B (lần)	0.98	1.34	1.48	1.41	1.34
Lợi suất cổ tức (%)	2.99	1.79	2.99	5.97	8.96

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn